

Số: **02** /2017/TT- BTNMT

Hà Nội, ngày **07** tháng **3** năm 2017

THÔNG TƯ

**Quy định kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật
lập báo cáo hiện trạng môi trường**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật lập báo cáo hiện trạng môi trường.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này quy định kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật lập báo cáo hiện trạng môi trường.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ~~24~~ tháng **4** năm 2017.

Điều 3. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; đơn vị thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường; Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tài nguyên và Môi trường để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các Thứ trưởng Bộ TN&MT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT, Công TTĐT Bộ TN&MT;
- Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Lưu: VT, KHCN, KH, PC, TCMT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Võ Tuấn Nhân

[Handwritten signatures and initials]

**QUY ĐỊNH KỸ THUẬT VÀ ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT
LẬP BÁO CÁO HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số **02**/2017/TT-BTNMT
ngày **07** tháng **3** năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

**Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG**

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật này quy định về quy trình kỹ thuật, định mức lao động, định mức dụng cụ, thiết bị và định mức vật liệu trong thực hiện lập báo cáo hiện trạng môi trường.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, tổ chức và cá nhân có hoạt động liên quan đến lập báo cáo hiện trạng môi trường (bao gồm báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia, báo cáo chuyên đề về môi trường quốc gia, báo cáo hiện trạng môi trường cấp tỉnh và báo cáo chuyên đề về môi trường cấp tỉnh).

3. Cơ sở xây dựng quy định kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật

- Điều 137, Điều 138 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014;
- Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;
- Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 17 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập;
- Thông tư số 05/2005/TT-BNV ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn chế độ phụ cấp trách nhiệm công việc đối với cán bộ, công chức, viên chức;
- Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định;
- Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước;
- Thông tư số 06/2005/TT-LĐTBXH ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp xây dựng định mức

biên chế trong các công ty nhà nước theo Nghị định số 206/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ;

- Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 6 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 43/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về báo cáo hiện trạng môi trường, bộ chỉ thị môi trường và quản lý số liệu quan trắc môi trường.

- Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ;

- Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-BKHCN-BNV ngày 11 tháng 01 năm 2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ.

4. Phương pháp xây dựng định mức

4.1. Định mức lao động xây dựng theo phương pháp tổng hợp (phương pháp phân tích và tổng hợp kinh nghiệm, phương pháp thống kê và phương pháp ước lượng, so sánh).

4.2. Định mức dụng cụ, thiết bị tính bằng tổng các mức dụng cụ, thiết bị của các nguyên công công nghệ sản xuất sản phẩm với điều kiện: chỉ thể hiện các dụng cụ, thiết bị chính, quan trọng hoặc có giá trị lớn; số còn lại tính bằng phần trăm (%) theo các dụng cụ, thiết bị chính đã thể hiện.

4.3. Định mức vật liệu tính bằng tổng các mức vật liệu của các nguyên công công nghệ sản xuất sản phẩm với điều kiện: chỉ thể hiện các vật liệu chính, quan trọng hoặc có giá trị lớn; số còn lại tính bằng phần trăm (%) theo các vật liệu chính đã thể hiện.

4.4. Định mức cho công tác lập báo cáo hiện trạng môi trường được xây dựng theo quy định tại Phần II của Quy định kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật lập báo cáo hiện trạng môi trường này (sau đây gọi tắt là quy định kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật).

5. Nội dung của định mức kinh tế - kỹ thuật

Định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các định mức thành phần:

5.1. Định mức lao động công nghệ:

Định mức lao động công nghệ (sau đây gọi tắt là định mức lao động) là thời gian lao động trực tiếp cần thiết để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm. Nội dung của định mức lao động bao gồm:

a) Nội dung công việc: quy định các thao tác cơ bản để thực hiện bước công việc;

b) Định biên: quy định số lượng lao động và cấp bậc kỹ thuật công việc;

c) Định mức: quy định thời gian lao động trực tiếp sản xuất một đơn vị sản phẩm; đơn vị tính là công cá nhân hoặc công nhóm/đơn vị sản phẩm.

5.2. Định mức dụng cụ:

Định mức dụng cụ (định mức sử dụng dụng cụ) là thời gian (số ca) người lao động trực tiếp sử dụng dụng cụ cần thiết để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm, gồm:

a) Thời hạn sử dụng dụng cụ (thời gian tính hao mòn) là thời gian dự kiến sử dụng dụng cụ vào hoạt động sản xuất trong điều kiện bình thường, phù hợp với các thông số kỹ thuật của dụng cụ. Thời hạn sử dụng dụng cụ xác định bằng phương pháp thống kê; đơn vị tính là tháng;

b) Mức cho các dụng cụ nhỏ, dụng cụ phụ được tính bằng 5% mức dụng cụ trong bảng định mức dụng cụ tại quy định kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật này.

5.3. Định mức thiết bị:

Định mức thiết bị (định mức sử dụng thiết bị) là thời gian (số ca) người lao động trực tiếp sử dụng thiết bị cần thiết để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm, gồm:

a) Số ca máy sử dụng trong một năm: máy nội nghiệp là 500 ca;

b) Thời hạn sử dụng thiết bị là thời gian dự kiến sử dụng thiết bị vào hoạt động sản xuất trong điều kiện bình thường, phù hợp với các thông số kinh tế - kỹ thuật của thiết bị. Đơn vị tính là năm;

c) Thời gian sử dụng thiết bị như sau:

- Thiết bị có thời gian sử dụng 05 năm: máy vi tính, máy in A4, máy in màu A4, máy quét A3, máy chiếu, ổ ghi đĩa DVD.

- Thiết bị có thời gian sử dụng 08 năm: điều hoà nhiệt độ 12.000 BTU, máy photocopy.

5.4. Định mức vật liệu:

a) Định mức vật liệu (định mức sử dụng vật liệu) là số lượng vật liệu cần thiết để sản xuất ra một sản phẩm;

b) Mức vật liệu nhỏ và hao hụt được tính bằng 08% mức vật liệu trong bảng định mức vật liệu tại quy định kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật này.

6. Quy định hệ số điều chỉnh định mức cho khu vực lập báo cáo cấp tỉnh

Hệ số điều chỉnh định mức cho khu vực lập báo cáo hiện trạng môi trường cấp tỉnh, báo cáo chuyên đề về môi trường cấp tỉnh quy định tại Bảng 1 Mục này.

Bảng 1. Hệ số điều chỉnh cho khu vực lập báo cáo cấp tỉnh

TT	Phân loại đô thị	Hệ số
1	Đô thị loại đặc biệt	1,00

TT	Phân loại đô thị	Hệ số
2	Các thành phố là đô thị loại I và các tỉnh có đô thị loại I	0,90
3	Các tỉnh có đô thị loại II	0,82
4	Các tỉnh còn lại	0,75

7. Quy định chữ viết tắt

Chữ viết tắt trong quy định kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật được quy định tại Bảng 2 Mục này.

Bảng 2. Quy định chữ viết tắt

Stt	Nội dung viết tắt	Chữ viết tắt
1	Bảo vệ môi trường	BVMT
2	Cụm công nghiệp	CCN
3	Khu công nghiệp	KCN
4	Khoa học công nghệ	KHCN
5	Kỹ sư hạng III	KS
6	Kỹ sư hạng III bậc 1, bậc 2, bậc 3, bậc 4	KS1, KS2, KS3, KS4
7	Kinh tế - kỹ thuật	KT-KT
8	Hiện trạng môi trường	HTMT
9	Thông tư số 43/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về báo cáo hiện trạng môi trường, bộ chỉ thị môi trường và quản lý số liệu quan trắc môi trường	Thông tư số 43/2015/TT-BTNMT

Phần II

QUY ĐỊNH KỸ THUẬT LẬP BÁO CÁO HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG

1. Trình tự lập báo cáo hiện trạng môi trường

Việc lập báo cáo hiện trạng môi trường thực hiện theo trình tự quy định tại Điều 9 Thông tư số 43/2015/TT-BTNMT.

2. Quy định kỹ thuật chi tiết lập báo cáo hiện trạng môi trường

2.1. Đề xuất, trình phê duyệt chủ đề báo cáo đối với báo cáo chuyên đề về môi trường theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 43/2015/TT-BTNMT.

Sản phẩm: chủ đề báo cáo chuyên đề về môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt.